CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

Mẫu số 01-A

CÔNG TY CP GLOBAL TANKER
GLOBAL TANKER JSC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence — Freedom — Happiness

Số/*No*: 24/2026/CBTT-GT

TPHCM, ngày 19 tháng 10 năm 2026
HCM City, October19th, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE OF ANNUAL REPORT

Kính gửi / *To*: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

The State Securities Commission;

Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Global Tanker thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 03/năm 2026 với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Implementing the provisions of Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Minister of Finance providing guidelines on disclosure of information on the securities market, Global Tanker JSC hereby discloses ***Financial Statements for the Year 2026 / Quarter 03*** *to The State Securities Commission and Hanoi Stock Exchange as follows:*

1. Tên tổ chức / *Name of the Organization*: **CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER/ GLOBAL TANKER JOINT STOCK COMPANY.**

- Mã chứng khoán / *Stock symbol*: **GTX**

- Địa chỉ / *Address of head office*: 16 Phan Đình Giót, Phường Tân Sơn Hòa, TPHCM, Việt Nam/*16 Phan Dinh Giot Street, Tan Son Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*

- Điện thoại liên hệ / *Telephone*: 028 36203433

- E-mail: office@globaltanker.net Website: www.globaltanker.net

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 13:37:50+07:00
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

- Người thực hiện CBTT / *Person responsible for information disclosure*: Bà / *Ms.* **Nguyễn Ngọc Châu** - Chức vụ / *Position*: Người phụ trách quản trị Công ty và Người được ủy quyền công bố thông tin. / *Person in charge of Corporate Governance and Authorized Person for Information Disclosure*

- Người đại diện theo pháp luật / *Legal Representative*: Ông / *Mr.* **Nguyễn Tiến Dũng** - Chức vụ / *Position*: Chủ tịch HĐQT / *Chairman of the Board of Directors*

Loại thông tin công bố / *Type of information disclosure*:

O24h O Yêu cầu/*Upon request* O Bất thường/*Extraordinary* ☑ Định kỳ/ *Periodic*

2. Nội dung thông tin công bố / *Contents of disclosure*:

- BCTC quý 3/năm 2026/ *Quarter 3 Financial Statements for the year 2026*

[x] BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc) / *Separate Financial Statements (Applicable to listed organizations without subsidiaries and without superior accounting units with affiliated accounting units)*;

[ ] BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con) / *Consolidated Financial Statements (Applicable to listed organizations with subsidiaries)*;

[ ] BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng) / *Combined Financial Statements (Applicable to listed organizations with affiliated accounting units operating under separate accounting systems)*.

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân / *Cases requiring explanation:*

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm …) / *The auditing organization issues an opinion other than an unqualified opinion on the financial statements (applicable to audited financial statements for the year ...)*:

[ ] Có / *Yes* [ ] Không / *No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có / *Written explanation in case of "Yes"*:

[ ] Có / *Yes* [ ] Không / *No*

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm …) / *Profit after tax in the reporting period differs by 5% or more before and after audit, or changes from loss to profit or vice versa (applicable to audited financial statements for the year ...)*:

[ ] Có / *Yes* [ ] Không / *No*

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

n giải trình trong trường hợp tích có / *Written explanation in case of "Yes":*

☐ Có / *Yes* ☐ Không / *No*

+ Lợi nhuận sau thế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước / *Profit after corporate income tax in the income statement of the reporting period changes by 10% or more compared to the same period of the previous year:*

☒ Có / *Yes* ☐ Không / *No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có / *Written explanation in case of "Yes":*

☒ Có / *Yes* ☐ Không / *No*

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại / *Profit after tax in the reporting period incurs a loss, or changes from profit in the same period of the previous year to loss in the current period, or vice versa:*

☐ Có / *Yes* ☐ Không / *No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có / *Written explanation in case of "Yes":*

☐ Có / *Yes* ☐ Không / *No*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/10/2026 tại đường dẫn: https://globaltanker.net/cong-bo-thong-tin/

This information was disclosed on the Company's website on October 19th, 2026 at the following link: https://globaltanker.net/cong-bo-thong-tin/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. / *We hereby certify that the above-disclosed information is true and accurate, and we take full legal responsibility for the contents of the disclosed information.*

Tài liệu đính kèm:
- BCTC Quý 03 năm 2026
- Văn bản giải trình Lợi nhuận sau thế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
LEGAL REPRESENTATIVE/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
THE PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION

M.S.D.N: 0315118069 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Q. TÂN BÌNH - T.P HỒ CHÍ MINH

CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN TIẾN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
GLOBAL TANKER COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2026/GT-CV

Tp.HCM, ngày 19 tháng 10 năm 2026

"V/v giải trình tình hình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 3/2026 và 9T2026"

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC (UBCKNN)**
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)

1. **Tổ chức niêm yết:** CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER.
2. **Mã chứng khoán:** GTX
3. **Nội dung:**

Công ty Cổ phần Global Tanker xin được giải trình tình hình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trên Báo cáo tài chính Quý 3/2026 và 9T2026 so với cùng kỳ năm trước như sau:

Bảng so sánh kết quả kinh doanh Quý 3

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quý 3/2026	Quý 3/2025	Chênh lệch	Tỷ lệ biến động
Lợi nhuận sau thuế	20.315.572.880	19.477.025.303	838.547.577	Tăng 4,31%

Bảng so sánh kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm

Chỉ tiêu	9T2026	9T2025	Chênh lệch	Tỷ lệ biến động
Lợi nhuận sau thuế	200.656.983.840	37.842.412.957	162.814.570.883	Tăng 430,24%

Lý do biến động: Lợi nhuận sau thuế 9T2026 tăng 430,24% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do doanh thu tăng từ hoạt động khai thác tàu hiệu quả và khoản thu nhập khác từ việc thanh lý tài sản cố định trong T4/2026 nhằm mục đích tái cơ cấu đội tàu.

Công Ty Cổ Phần Global Tanker kính giải trình đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và Quý Cổ Đông được biết.

Trân trọng./.

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Chủ tịch Hội đồng quản trị

M.S.D.N: 0315118069 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Tiến Dũng

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, GĐ;
- Lưu: VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

TANKER JOINT STOCK COMPANY
GLOBAL TANKER COMPANY

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

No: 10/2026/GT-CV

Ho Chi Minh City, October 19, 2026

"Re: Explanation of fluctuations in profit after corporate income tax for Q3/2026 and the Nine months of 2026"

To: **STATE SECURITIES COMMISSION (SSC)**
HANOI STOCK EXCHANGE (HNX)

1. **Listed Organization:** GLOBAL TANKER JOINT STOCK COMPANY.
2. **Securities Code:** GTX
3. **Content:**

Global Tanker Joint Stock Company hereby provides an explanation regarding the fluctuations in profit after corporate income tax (CIT) as presented in the Financial Statements for Q3/2026 and the nine months of 2026 compared to the same period last year as follows:

Comparison Table of Business Results for Q3

Unit: VND

Indicator	Q3/2026	Q3/2025	Difference	Fluctuation Rate
Profit After Tax	20.315.572.880	19.477.025.303	838.547.577	Increase 4,31 %

Comparison Table of Business Results for the Nine months of the Year

Indicator	Nine months of 2026	Nine months of 2025	Difference	Fluctuation Rate
Profit After Tax	200.656.983.840	37.842.412.957	162.814.570.883	Increase 430,24%

Reason for Fluctuation: The profit after tax for the nine months of 2026 increased by 430,24% compared to the same period last year, mainly due to higher revenue from efficient vessel operations and other income from the disposal of fixed assets as part of the fleet restructuring in April 2026.

Global Tanker Joint Stock Company respectfully submits this explanation to the State Securities Commission, Hanoi Stock Exchange and Shareholders for their information.

Respectfully./.

GLOBAL TANKER JOINT STOCK COMPANY
Chairman of the Board of Directors

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER

Nguyen Tien Dung

Recipients:
- As above;
- Board of Directors, General Director;
- Archive: Administrative Office.

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
16 Phan Đình Giót, Phường Tân Sơn Hòa, TP.HCM

*****

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2026

TPHCM, ngày 19 tháng 10 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

Mẫu số B 01a - DN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/09/2026	Ngày 01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**240.950.529.730**	**202.503.211.693**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.01	**61.531.826.723**	**95.457.159.249**
1. Tiền	111		61.531.826.723	95.457.159.249
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**33.761.000.000**	**6.000.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	33.761.000.000	6.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**101.934.896.737**	**62.935.214.800**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	97.244.807.648	58.194.295.890
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	2.102.620.488	2.352.610.154
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.05	4.911.603.579	4.712.443.734
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(2.324.134.978)	(2.324.134.978)
IV. Hàng tồn kho	**140**	V.06	**27.166.780.576**	**26.379.267.466**
1. Hàng tồn kho	141		27.166.780.576	26.379.267.466
V. Tài sản ngắn hạn khác	**160**		**16.556.025.694**	**11.731.570.178**
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.09	1.497.607.936	1.448.674.311
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		15.058.417.758	10.282.895.867
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**865.297.291.542**	**607.382.133.919**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**191.767.424.764**	**294.990.669.434**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	191.767.424.764	294.990.669.434
- Nguyên giá	*222*		*617.924.141.395*	*798.611.487.054*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(426.156.716.631)*	*(503.620.817.620)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**250**	V.07	**657.020.993.716**	**312.391.464.485**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		657.020.993.716	312.391.464.485
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	261	V.09	16.508.873.062	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**280**		**1.106.247.821.272**	**809.885.345.612**

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLONG@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

Mẫu số B 01a - DN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/09/2026	Ngày 01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**473.456.641.193**	**376.751.149.373**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**114.619.150.340**	**149.213.421.075**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	46.680.120.328	83.473.140.220
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.13	75.522.040	19.473.429.100
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	44.914.149.116	13.747.591.366
5. Phải trả người lao động	315		186.460.000	424.500.000
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.12	9.059.837.591	3.709.438.169
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.14	40.000.000	4.333.422.220
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.15.a	10.158.061.265	21.546.900.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.505.000.000	2.505.000.000
II. Nợ dài hạn	**330**		**358.837.490.853**	**227.537.728.298**
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.10	54.379.473.226	53.842.013.396
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.15.b	304.458.017.627	173.695.714.902
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**632.791.180.079**	**433.134.196.239**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		350.000.000.000	350.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*350.000.000.000*	*350.000.000.000*
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	418		282.791.180.079	83.134.196.239
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*420a*		*82.134.196.239*	*28.724.070.231*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*420b*		*200.656.983.840*	*54.410.126.008*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.106.247.821.272**	**809.885.345.612**

Lập, ngày 19 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Ngọc Châu	Trần Vũ Yến Linh	Nguyễn Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER

Mẫu số B 02a – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lũy kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.01	**183.869.167.332**	**203.913.925.808**	**551.500.906.056**	**541.781.726.245**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**183.869.167.332**	**203.913.925.808**	**551.500.906.056**	**541.781.726.245**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	**154.809.320.384**	**170.475.798.311**	**459.528.429.899**	**479.572.398.176**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**29.059.846.948**	**33.438.127.497**	**91.972.476.157**	**62.209.328.069**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.03	72.162.112	1.713.591.355	1.875.678.713	5.833.809.291
7. Chi phí tài chính	23	VI.04	2.823.618.635	2.298.907.453	7.394.402.250	8.778.240.075
+ Trong đó: chi phí lãi vay	*24*		*1.989.827.867*	*2.290.612.568*	*6.512.273.680*	*7.838.452.299*
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	2.743.831.926	2.330.404.607	7.673.696.742	6.504.960.982
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**23.564.558.499**	**30.522.406.792**	**78.780.055.878**	**52.759.936.303**
11. Thu nhập khác	31	VI.06	1.829.977.971	80.321.783	189.646.802.960	1.647.199.618
12. Chi phí khác	32	VI.07	70.370	6.256.446.946	17.661.148.660	6.911.852.968
13. Lợi nhuận khác	**40**		**1.829.907.601**	**(6.176.125.163)**	**171.985.654.300**	**(5.264.653.350)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**25.394.466.100**	**24.346.281.629**	**250.765.710.178**	**47.495.282.953**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	5.078.893.220	4.869.256.326	50.108.726.338	9.652.869.996
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**20.315.572.880**	**19.477.025.303**	**200.656.983.840**	**37.842.412.957**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			580	556	5.733	1.081

Lập, ngày 19 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Ngọc Châu	Trần Vũ Yến Linh	Nguyễn Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI88@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

Mẫu số B 03a – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**250.765.710.178**	**47.495.282.953**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		60.734.425.660	72.147.143.367
- Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/dự phòng	03			8.985.400.000
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		294.032.778	
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(167.696.070.164)	(163.363.393)
- Chi phí lãi vay	06		6.512.273.680	7.838.452.299
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**150.610.372.132**	**136.302.915.226**
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(43.775.203.828)	90.285.346.437
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(19.772.864.723)	2.653.631.763
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(35.090.525.259)	35.101.660.020
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(16.557.806.687)	(407.839.236)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.537.670.216)	(7.863.848.835)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(18.943.931.866)	(14.394.330.704)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(825.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**9.932.369.553**	**240.852.534.671**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(344.629.529.231)	(231.451.789.442)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		229.145.373.149	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(60.868.600.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.867.638	163.363.393
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(143.631.088.444)**	**(231.288.426.049)**

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI98@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

Mẫu số B 03a – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	VII.3	174.811.094.359	5.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.4	(55.437.630.369)	(16.160.175.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.397.907.060)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**99.975.556.930**	**(11.160.175.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(33.723.161.961)**	**(1.596.066.378)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**95.457.159.249**	**33.785.708.010**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(202.170.565)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	VII	**61.531.826.723**	**32.189.641.632**

Lập, ngày 19 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Ngọc Châu	Trần Vũ Yến Linh	Nguyễn Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI2@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

Mẫu số B 09a – DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Global Tanker hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315118069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/06/2018 và thay đổi lần thứ 8 ngày 28/09/2025.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:	350.000.000.000 VND
Vốn góp của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2026:	350.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Số 16 Phan Đình Giót, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được Công văn số 9276/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc xác nhận hoàn tất việc đăng ký Công ty đại chúng với mã chứng khoán là "GTX".

2. Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ vận tải bằng đường thủy.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
Chi tiết: Kinh doanh vận tải xăng dầu, hàng hóa bằng đường biển (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn);
- Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa
Chi tiết: Kinh doanh vận tải xăng dầu, hàng hóa bằng đường thủy nội địa (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
Chi tiết: Môi giới hàng hải. Đại lý tàu biển. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không). Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Không có đặc điểm hoạt động nào gây ảnh hưởng trọng yếu cần thiết phải công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ kế toán trước so sánh được với số liệu của kỳ kế toán này.

7. Số lượng nhân viên

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, Công ty có 7 nhân viên (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 7 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản này được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Riêng đối với khoản tiền và tương đương tiền của Công ty bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà phải trình bày tại chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn khác hoặc Tài sản dài hạn khác.

c. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình trong ngày của Ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại ngày phát sinh các nghiệp vụ để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ quy đổi sang Đồng Việt Nam.

'Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền là tỷ giá được xác định trên cơ sở trung bình giữa giá trị đã được quy đổi ra đơn vị tiền tệ trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh đối với bên Nợ các tài khoản tiền, nợ phải thu, tài sản khác hoặc bên Có các tài khoản nợ phải trả chia cho số lượng nguyên tệ tồn đầu kỳ và số lượng nguyên tệ phát sinh tăng trong kỳ của từng đối tượng. Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền có thể được xác định tại thời điểm cuối kỳ hoặc từng thời điểm thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND, theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính là khoản đầu tư ra bên ngoài nhằm mục đích sử dụng hiệu quả nguồn vốn và nâng cao năng lực hoạt động của Công ty. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản đầu tư được phân loại và đo lường theo các nguyên tắc sau:

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo kỳ hạn:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 03 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (ngoại trừ các khoản trả trước cho người bán mà không có bằng chứng về việc nhận lại bằng tiền) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Công ty không thực hiện đánh giá lại đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: 'Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định ("TSCĐ")

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính . Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau :

	Số năm khấu hao ước tính
- Phương tiện vận tải	07 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá, khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay được vốn hóa có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian phù hợp với thời gian tạo ra lợi ích kinh tế tương ứng. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Chi phí trả trước ngắn hạn: Phản ánh các khoản trả trước có thời hạn phân bổ hoặc thời gian thu hồi lợi ích kinh tế không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm phát sinh.;

- Chi phí trả trước dài hạn: Phản ánh các khoản trả trước (như công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa lớn, tiền thuê đất, tiền thuê tài sản...) có thời hạn phân bổ hoặc thời gian thu hồi lợi ích kinh tế trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường..

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;

- Chi phí phải trả: phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán;

- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước: nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phản ánh số cổ tức, lợi nhuận phải trả (bằng tiền, các tài sản phi tiền tệ) và tình hình thanh toán khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả bằng tiền cho các cổ đông, thành viên góp vốn của công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location: ih Giốt, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa chi phí đi vay

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

a. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI98@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

b. Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư,... được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chi phí tài chính khác.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác,...

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI98@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

16. Nguyên tắc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

18. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2026	01/01/2026
- Tiền mặt	2.831.000	169.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	61.528.995.723	95.456.990.249
+ Tiền gửi VND	*20.644.455.181*	*14.816.907.285*
+ Tiền gửi ngoại tệ	*40.884.540.542*	*80.640.082.964*
Cộng	**61.531.826.723**	**95.457.159.249**

2. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*
a. Ngắn hạn	***33.761.000.000***	***33.761.000.000***	***6.000.000.000***	***6.000.000.000***
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	33.761.000.000	33.761.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**33.761.000.000**	**33.761.000.000**	**6.000.000.000**	**6.000.000.000**

Ghi chú:

(*) Khoản tiền gửi USD có kỳ hạn 12 tháng tại NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM) - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, lãi suất 0%/năm. Khoản tiền này đang được dùng để bảo đảm cho khoản vay hạn mức ngắn hạn bằng VNĐ để bổ sung vốn lưu động.

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/09/2026	01/01/2026
a. Ngắn hạn	***97.244.807.648***	***58.194.295.890***
- Vietsea Company Pte Ltd	33.241.600.000	25.529.383.000
- Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Bay Petrolimex	60.775.655.000	30.684.673.000
- Các khách hàng khác	3.227.552.648	1.980.239.890
b. Dài hạn	-	-

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c).

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/09/2026	01/01/2026
a. Ngắn hạn	***2.102.620.488***	***2.352.610.154***
- DALIAN OCEAN FAVOR INTERNATIONAL SHIPPING AGENCY	261.680.232	-
- CNOOC INTERNATIONAL FREIGHT AGENCY CO., LTD	-	222.977.235
- CONSULATE GENERAL OF PANAMA	-	307.352.978
- JAMES MACKINTOSH & CO. PVT. LTD	456.215.425	473.613.088
- JIRATAN GROUP CO., LTD	866.380.556	913.163.766
- CSEM MARITIME SDN BHD	-	256.076.674
- Các nhà cung cấp khác	518.344.275	179.426.413
b. Dài hạn	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

5. PHẢI THU KHÁC

	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
a. Ngắn hạn	***4.911.603.579***	**2.324.134.978**	***4.712.443.734***	**2.324.134.978**
- Tạm ứng	45.000.000	-	1.000.000	-
- Phải thu khác	4.866.603.579	2.324.134.978	4.711.443.734	2.324.134.978
+ Công ty CP Vận tải Dầu Khí Mê Kông - Thanh toán hộ công nợ và sửa chữa tàu Mekongtrans 01	*4.648.269.956*	*2.324.134.978*	*4.648.269.956*	2.324.134.978
+ Các khoản khác	218.333.623		*63.173.778*	
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**4.911.603.579**	**2.324.134.978**	**4.712.443.734**	**2.324.134.978**

6. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
- Nguyên liệu, vật liệu	23.149.489.498	-	23.157.043.825	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.017.291.078		3.222.223.641	-
Cộng	**27.166.780.576**	-	**26.379.267.466**	-

7. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	30/09/2026	01/01/2026
a. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
b. Xây dựng cơ bản dở dang	***657.020.993.716***	***312.391.464.485***
- Mua sắm tài sản cố định (*)	657.020.993.716	312.391.464.485
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
- Chi phí khác	-	-
Cộng	**657.020.993.716**	**312.391.464.485**

Ghi chú:

(*) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 31102024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/10/2024 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01-2025/DHDCD-NQ ngày 20/06/2025, Công ty đã được thông qua chủ trương đầu tư đóng mới tàu chở dầu/hóa chất, bao gồm: 02 tàu có trọng tải 13.100 DWT và từ 01 đến 02 tàu có trọng tải 7.500 DWT. Tính đến ngày 30/09/2026, Công ty đang triển khai thực hiện đóng mới 02 tàu có trọng tải 13.100 DWT và 01 tàu có trọng tải 7.500 DWT theo kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLAO98@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	**798.611.487.054**	**798.611.487.054**
2. Số tăng trong kỳ	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-
3. Số giảm trong kỳ	180.687.345.659	180.687.345.659
- Chuyển sang BĐS đầu tư		-
- Thanh lý, nhượng bán	180.687.345.659	180.687.345.659
- Giảm khác	-	-
4. Số dư cuối kỳ	**617.924.141.395**	**617.924.141.395**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế		
1. Số dư đầu năm	**503.620.817.620**	**503.620.817.620**
2. Tăng trong kỳ	**60.734.425.660**	**60.734.425.660**
- Khấu hao tăng trong kỳ	60.734.425.660	60.734.425.660
- Khấu hao tăng từ mua lại TSCĐ thuê tài chính		-
3. Giảm trong kỳ	138.198.526.649	138.198.526.649
- Chuyển sang BĐS đầu tư		-
- Thanh lý, nhượng bán	138.198.526.649	138.198.526.649
- Giảm khác		-
4. Số dư cuối kỳ	**426.156.716.631**	**426.156.716.631**
III. Giá trị còn lại		
1. Số dư đầu năm	**294.990.669.434**	**294.990.669.434**
2. Số dư cuối kỳ	**191.767.424.764**	**191.767.424.764**

Ghi chú:

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 191.483.662.795 đồng (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 là 226.473.798.760 đồng) đã được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh V.15).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2026 là 193.389.943.511 đồng (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 là 21.866.611.836 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLONG@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

9. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ

	30/09/2026	01/01/2026
a. Ngắn hạn	***1.497.607.936***	***1.448.674.311***
- Chi phí bảo hiểm	1.497.607.936	1.448.674.311
b. Dài hạn	***16.508.873.062***	-
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	16.508.873.062	-
Cộng	**18.006.480.998**	**1.448.674.311**

10. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
a. Ngắn hạn	***46.680.120.328***	***46.680.120.328***	***83.473.140.220***	***83.473.140.220***
- Công ty Cổ phần Âu Lạc	12.607.300.000	12.607.300.000	39.826.261.000	39.826.261.000
- Công ty TNHH Legendsea	5.681.500.000	5.681.500.000	5.764.440.000	5.764.440.000
- Công ty Cổ phần Allsea Management	14.414.382.609	14.414.382.609	22.050.978.338	22.050.978.338
- Công ty Cổ phần Biển Việt	3.189.669.549	3.189.669.549	8.395.646.330	8.395.646.330
- Các nhà cung cấp khác	10.787.268.170	10.787.268.170	7.435.814.552	7.435.814.552
b. Dài hạn	***54.379.473.226***	***54.379.473.226***	***53.842.013.396***	***53.842.013.396***
- Vietsea Company Pte Ltd	54.379.473.226	54.379.473.226	*53.842.013.396*	*53.842.013.396*
Cộng	**101.059.593.554**	**101.059.593.554**	**137.315.153.616**	**137.315.153.616**

c. Phải trả người bán là các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c).

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2026	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/09/2026
a. Phải nộp	***13.747.591.366***	***50.326.844.771***	***19.160.287.021***	***44.914.149.116***
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.715.931.866	50.108.726.338	18.943.931.866	44.880.726.338
Thuế thu nhập cá nhân	31.659.500	218.118.433	216.355.155	33.422.778
Thuế khác	-	-	-	-

Ghi chú:

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI98@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/09/2026	01/01/2026
a. Ngắn hạn	**9.059.837.591**	**3.709.438.169**
- Trích trước phí đại lý tàu	2.453.198.212	3.563.066.831
- Trích trước chi phí lãi vay	120.974.802	146.371.338
- Trích trước Phí quản lý tàu	5.442.277.236	
- Chi phí khác	1.043.387.341	

13. PHẢI TRẢ CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	30/09/2026	01/01/2026
a. Ngắn hạn	**75.522.040**	**19.473.429.100**
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến	-	17.794.892.720
- Cổ đông khác	75.522.040	1.678.536.380

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2026	01/01/2026
a. Ngắn hạn	**40.000.000**	**4.333.422.220**
- Phí quản lý tàu - Công ty Cổ phần Allsea Management	-	4.333.422.220
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	40.000.000	-
b. Dài hạn	-	-

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

		30/09/2026	Trong kỳ			01/01/2026
		Giá trị	*Số phân loại lại*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*
a. Ngắn hạn		***10.158.061.265***	***3.365.081.820***	***29.502.614.359***	***44.256.534.914***	***21.546.900.000***
a.1 Vay ngắn hạn		7.634.249.900	-	**29.502.614.359**	**21.868.364.459**	
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - CN TPHCM	(1)	7.634.249.900	-	29.502.614.359	21.868.364.459	
a.2 Vay dài hạn đến hạn trả		**2.523.811.365**	**3.365.081.820**	**-**	**22.388.170.455**	**21.546.900.000**
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Bình Chánh	(2)	2.523.811.365	3.365.081.820	-	22.388.170.455	21.546.900.000
b. Dài hạn		***304.458.017.627***	***(3.365.081.820)***	***145.308.480.000***	***11.181.095.455***	***173.695.714.902***
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Bình Chánh	(2)	66.254.697.725	(3.365.081.820)		11.181.095.455	80.800.875.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN TPHCM	(3)	238.203.319.902		145.308.480.000	-	92.894.839.902
Cộng		**314.616.078.892**		**174.811.094.359**	**55.437.630.369**	**195.242.614.902**

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(1) Khoản vay ngắn hạn theo Thư cấp hạn mức tín dụng số BFL-ME/26-02 ngày 15/01/2026 với hạn mức tín dụng là 2.000.000 USD để tài trợ cho các mục đích chung và nhu cầu về vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay tối đa 06 tháng kể từ ngày cấp vốn, lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi số PL-ME/26-02 ngày 15/01/2026 (Thuyết minh V.03).

(2) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng cấp tín dụng số 173613.23.269.30799532.TD ngày 20/11/2023 với số tiền vay tối đa là 169.515.309.600 VND để tài trợ đầu tư đóng mới tàu chở dầu/hóa chất đã qua sử dụng (tên: RAYANA, số IMO: 9341354, năm đóng 2009, tải trọng 14.958 DWT). Thời hạn cho vay tối đa 84 tháng từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng văn bản nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản sau:

Bên bảo lãnh	**Tài sản đảm bảo**
Công ty Cổ phần Global Tanker	Theo Hợp đồng thế chấp số 188101.24.269.30799532.BD ngày 25/01/2024: Tên tàu: GT WIN Số IMO: 9341354 Loại tàu: Tàu chở dầu.

(3) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng cấp tín dụng số 35/14458670/25-DN2/D-DA ngày 09/07/2025 với số tiền vay tối đa là 328.440.000.000 VND để tài trợ đầu tư đóng mới 01 tàu chở dầu/hóa chất tải trọng 13.100 DWT). Thời hạn cho vay tối đa 144 tháng từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên cho đến thời điểm trả hết nợ gốc và lãi, lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng văn bản nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản sau:

Bên bảo lãnh	**Tài sản đảm bảo**
Công ty Cổ phần Global Tanker	Theo Hợp đồng thế chấp số 40/14458670/25-DN2/TC.BD ngày 09/07/2025: Tên tàu: GT VICTORY Số IMO: 9321641 Loại tàu: Tàu chở dầu. Theo Hợp đồng thế chấp số 15/14458670/26-DN2/TC ngày 10/03/2026: Tên tàu: GT PEACE Số IMO: 9321639 Loại tàu: Tàu chở dầu. Toàn bộ quyền tài sản thuộc Dự án đầu tư đóng mới tàu chở dầu/hóa chất theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 38/14458670/25-DN2/TC ngày 09/07/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2025	**350.000.000.000**	**71.724.070.231**	**421.724.070.231**
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-
- Lợi nhuận trong kỳ	-	*37.842.412.957*	37.842.412.957
- Phân phối lợi nhuận sau thuế			
+ Chia cổ tức	-	*(42.000.000.000)*	*(42.000.000.000)*
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	*(1.000.000.000)*	*(1.000.000.000)*
Số dư tại ngày 30/09/2025	**350.000.000.000**	**66.566.483.188**	**416.566.483.188**
Số dư tại ngày 01/01/2026	**350.000.000.000**	**83.134.196.239**	**433.134.196.239**
- Lợi nhuận trong kỳ	-	*200.656.983.840*	200.656.983.840
- Phân phối lợi nhuận sau thuế			
+ Chia cổ tức	-	-	-
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	*(1.000.000.000)*	*(1.000.000.000)*
Số dư tại ngày 30/09/2026	**350.000.000.000**	**282.791.180.079**	**632.791.180.079**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/09/2026	01/01/2026
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến	164.367.480.000	164.867.480.000
- Bà Trần Lê Thùy Đan	68.734.060.000	69.734.060.000
- Bà Huỳnh Thị Hồng Châu	17.833.650.000	17.833.650.000
- Tổ chức, cá nhân khác	99.064.810.000	97.564.810.000
Cộng	**350.000.000.000**	**350.000.000.000**

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	350.000.000.000	350.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	350.000.000.000	350.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	***42.000.000.000***

d. Cổ phiếu

	30/09/2026	01/01/2026
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.000.000	35.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	35.000.000	35.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*35.000.000*	*35.000.000*
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.000.000	35.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*35.000.000*	*35.000.000*

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/09/2026	01/01/2026
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	1.574.314,68	3.092.383,94

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026	*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025*
a. Tổng doanh thu	***551.500.906.056***	***541.781.726.245***
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	551.500.906.056	541.781.726.245
b. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**551.500.906.056**	**541.781.726.245**

c. Doanh thu đối với các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.b).

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026	*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025*
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	459.528.429.899	479.572.398.176
Cộng	**459.528.429.899**	**479.572.398.176**

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026	*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025*
- Lãi tiền gửi	24.867.638	163.363.393
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.531.873.288	5.670.445.898
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Cộng	**1.556.740.926**	**5.833.809.291**

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026	*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025*
- Chi phí lãi vay	6.512.273.680	7.838.452.299
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	882.128.609	939.787.776
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	294.032.778	-
Cộng	**7.688.435.067**	**8.778.240.075**

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026	*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025*
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	-	-
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	***7.673.696.742***	***6.504.960.982***
- Chi phí nhân viên quản lý	2.429.589.973	2.227.047.545
- Thuế, phí và lệ phí	-	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.884.106.769	3.914.913.437
- Chi phí bằng tiền khác	360.000.000	360.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI32@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

6. THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026	*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025*
- Thanh lý tài sản cố định	167.035.807.520	-
- Thu từ bán nhiên liệu thanh lý	18.276.806.189	-
- Thu từ phạt, bồi thường của bên thứ ba	4.329.977.971	1.646.427.991
- Các khoản khác	4.211.280	771.627
Cộng	**189.646.802.960**	**1.647.199.618**

7. CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026	*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025*
- Giá vốn nhiên liệu thanh lý	17.645.611.663	-
- Phí phạt lưu tàu	-	1.012.530.772
- Tiền phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	15.451.885	-
- Các khoản khác	85.112	5.899.322.196
Cộng	**17.661.148.660**	**6.911.852.968**

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026	*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025*
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	147.725.213.348	118.970.311.280
- Chi phí nhân công	41.694.794.292	49.736.162.765
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.734.425.660	72.147.143.367
- Chi phí dự phòng sửa chữa tàu	-	9.000.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	215.836.228.386	234.209.173.284
- Chi phí bằng tiền khác	1.211.464.955	2.014.568.462
Cộng	**467.202.126.641**	**486.077.359.158**

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026	*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025*
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**250.765.710.178**	**47.495.282.953**
- Các khoản điều chỉnh tăng /(giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế	**(222.078.487)**	**769.067.028**
- Tổng thu nhập chịu thuế	**250.543.631.691**	**48.264.349.981**
- Tổng thu nhập tính thuế	**250.543.631.691**	**48.264.349.981**
+ Thuế suất	*20%*	*20%*
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**50.108.726.338**	**9.652.869.996**
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	*50.108.726.338*	*9.652.869.996*

10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026	*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025*
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	200.656.983.840	37.842.412.957
Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận/ (lỗ) phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	200.656.983.840	37.842.412.957
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	35.000.000	35.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**5.733**	**1.081**

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI32@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. **Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:** Không phát sinh.

2. **Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:** Không phát sinh.

3. **Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026	*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025*
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	174.811.094.359	5.000.000.000
Cộng	**174.811.094.359**	**5.000.000.000**

4. **Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ**

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026	*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025*
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	55.437.630.369	16.160.175.000
Cộng	**55.437.630.369**	**16.160.175.000**

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Tên đơn vị	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Biển Việt	Bên liên quan của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Wondersea	Cùng thành viên quản lý
Công ty Cổ phần Allsea Management	Cùng thành viên quản lý
Công ty TNHH Legendsea	Cùng thành viên quản lý
Công ty TNHH MTV Dầu nhờn Biển Việt	Công ty liên quan khác
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng và Người công bố thông tin	Ban điều hành

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026	*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025*
b.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Biển Việt	-	21.766.444.000
Công ty TNHH Legendsea	125.072.136	548.018.590
Cộng	**125.072.136**	**22.314.462.590**
b.2. Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty TNHH Legendsea	20.241.350.000	40.746.410.000
Công ty Cổ phần Biển Việt	12.533.745.534	11.425.738.787
Công ty Cổ phần Wondersea	3.495.740.785	3.384.315.160
Công ty Cổ phần Allsea Management	96.414.382.609	114.746.458.887
Công ty TNHH MTV Dầu nhờn Biển Việt	3.038.405.000	932.429.205
Cộng	**135.723.623.928**	**171.235.352.039**
b.3. Các nghiệp vụ khác		
Công ty Cổ phần Biển Việt (Tạm ứng phí đại lý)	-	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Biển Việt (Thu hồi tạm ứng)	-	7.000.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

Họ tên	**Chức vụ**	*Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026*	*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025*
Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	565.781.528	675.000.000
Nguyễn Thị Mai Xuân	Thành viên HĐQT	90.000.000	90.000.000
Trần Lê Thủy Đan	Thành viên HĐQT	160.000.000	90.000.000
Trần Văn Nam	Giám đốc (từ ngày 06/01/2026)	482.222.222	630.000.000
Mạc Thị Như Thủy	Trưởng BKS	90.000.000	90.000.000
Lê Thanh Mân	Thành viên BKS	45.000.000	45.000.000
Phạm Thị Út	Thành viên BKS	45.000.000	45.000.000
Cộng		**1.478.003.750**	**1.665.000.000**

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI3@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

c. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

	30/09/2026	01/01/2026
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh V.03)		
Công ty Cổ phần Allsea Management	129.620.015	-
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh V.10)		
Công ty Cổ phần Biển Việt	3.189.669.549	8.395.646.330
Công ty TNHH MTV Dầu nhờn Biển Việt	1.439.640.000	-
Công ty Cổ phần Wondersea	1.167.868.708	1.128.105.054
Công ty Cổ phần Allsea Management	14.414.382.609	22.050.978.338
Công ty TNHH Legendsea	5.681.500.000	5.764.440.000
Chi phí phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh V.13)		
Công ty Cổ phần Allsea Management	5.442.277.236	4.333.422.220
Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến (Cổ tức phải trả)	-	17.794.892.720
Các cổ đông nhỏ lẻ khác (Cổ tức phải trả)	75.522.040	1.678.536.380

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty thực hiện chủ yếu là hoạt động cung cấp dịch vụ vận chuyển đường biển quốc tế. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cũng như lĩnh vực kinh doanh.

3. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

4. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025.

Lập, ngày 19 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Ngọc Châu	Trần Vũ Yến Linh	Nguyễn Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

GLOBAL TANKER JOINT STOCK COMPANY

16 Phan Đình Giot Street, Tan Son Hoa Ward, Ho Chi Minh City

*****

FINANCIAL REPORT

For The Third Quarter Of 2026

TPHCM, 19 October 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

Form B 01a – DN

INTERIM STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 30 September 2026

Currency: VND

Items	Code	Note	As at 30/09/2026	As at 01/01/2026
A. CURRENT ASSETS	**100**		**240.950.529.730**	**202.503.211.693**
I. Cash and cash equivalents	**110**	V.01	**61.531.826.723**	**95.457.159.249**
1. Cash	111		61.531.826.723	95.457.159.249
II. Short-term investments	**120**		**33.761.000.000**	**6.000.000.000**
1. Held-to-maturity investments	123	V.02	33.761.000.000	6.000.000.000
III. Current accounts receivable	**130**		**101.934.896.737**	**62.935.214.800**
1. Short-term trade receivables	131	V.03	97.244.807.648	58.194.295.890
2. Short-term prepayments to suppliers	132	V.04	2.102.620.488	2.352.610.154
3. Other short-term receivables	135	V.05	4.911.603.579	4.712.443.734
4. Provision for short-term doubtful debts	136		(2.324.134.978)	(2.324.134.978)
IV. Inventories	**140**	V.06	**27.166.780.576**	**26.379.267.466**
1. Inventories	141		27.166.780.576	26.379.267.466
V. Other current assets	**160**		**16.556.025.694**	**11.731.570.178**
1. Short-term prepaid expenses	161	V.09	1.497.607.936	1.448.674.311
2. Value added tax deductibles	162		15.058.417.758	10.282.895.867
B. NON-CURRENT ASSETS	**200**		**865.297.291.542**	**607.382.133.919**
I. Long-term receivables	**210**		-	-
II. Fixed assets	**220**		**191.767.424.764**	**294.990.669.434**
1. Tangible fixed assets	221	V.08	191.767.424.764	294.990.669.434
- Cost	*222*		*617.924.141.395*	*798.611.487.054*
- Accumulated depreciation	*223*		*(426.156.716.631)*	*(503.620.817.620)*
IV. Long-term assets in progress	**250**	V.07	**657.020.993.716**	**312.391.464.485**
1. Construction in progress	252		657.020.993.716	312.391.464.485
1. Long-term prepaid expenses	261	V.09	16.508.873.062	-
TOTAL ASSETS	**280**		**1.106.247.821.272**	**809.885.345.612**

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGBUI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

Form B 01a – DN

INTERIM STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 30 September 2026

Currency: VND

Items	Code	Note	As at 30/09/2026	As at 01/01/2026
C. LIABILITIES	**300**		**473.456.641.193**	**376.751.149.373**
I. Current liabilities	**310**		**114.619.150.340**	**149.213.421.075**
1. Short-term trade payables	311	V.10	46.680.120.328	83.473.140.220
3. Dividends and profits payable	313	V.13	75.522.040	19.473.429.100
4. Taxes and other payables to State budget	314	V.11	44.914.149.116	13.747.591.366
5. Payables to employees	315		186.460.000	424.500.000
6. Short-term accrued expenses	316	V.12	9.059.837.591	3.709.438.169
7. Other short-term payables	320	V.14	40.000.000	4.333.422.220
8. Short-term borrowings and finance lease liabilities	321	V.15.a	10.158.061.265	21.546.900.000
9. Bonus and welfare fund	323		3.505.000.000	2.505.000.000
II. Long-term liabilities	**330**		**358.837.490.853**	**227.537.728.298**
1. Long-term trade payables	331	V.10	54.379.473.226	53.842.013.396
2. Long-term borrowings and finance lease liabilities	339	V.15.b	304.458.017.627	173.695.714.902
D. OWNER'S EQUITY	**400**		**632.791.180.079**	**433.134.196.239**
1. Contributed capital	411		350.000.000.000	350.000.000.000
- Ordinary shares with voting rights	*411a*		*350.000.000.000*	*350.000.000.000*
2. Undistributed earnings	418		282.791.180.079	83.134.196.239
- Undistributed post-tax profits of the previous years	*420a*		*82.134.196.239*	*28.724.070.231*
- Undistributed post-tax profit of current period	*420b*		*200.656.983.840*	*54.410.126.008*
TOTAL RESOURCES	**440**		**1.106.247.821.272**	**809.885.345.612**

Prepared, 19 October 2026

Preparer	Chief Accountant	Chairman
Nguyen Ngoc Chau	Tran Vu Yen Linh	Nguyen Tien Dung

GLOBAL TANKER JOINT STOCK COMPANY
No.16, Phan Dinh Giot Street, Tan Son Hoa Ward, Ho Chi Minh City

Form B 02a – DN

INCOME STATEMENT

From 01/07/2026 to 30/09/2026

Currency: VND

Items	Code	Note	Reporting period		Year to date	
			From 01/07/2026 to 30/09/2026	From 01/07/2025 to 30/09/2025	Current Year	Previous Year
1. Revenues from sales and services rendered	**01**	VI.01	**183.869.167.332**	**203.913.925.808**	**551.500.906.056**	**541.781.726.245**
2. Revenue deductions	02		-	-	-	-
3. Net revenues from sales and services rendered	**10**		**183.869.167.332**	**203.913.925.808**	**551.500.906.056**	**541.781.726.245**
4. Cost of goods sold	11	VI.02	**154.809.320.384**	**170.475.798.311**	**459.528.429.899**	**479.572.398.176**
5. Gross profits from sales and services rendered	**20**		**29.059.846.948**	**33.438.127.497**	**91.972.476.157**	**62.209.328.069**
6. Financial income	22	VI.03	72.162.112	1.713.591.355	1.875.678.713	5.833.809.291
7. Financial expenses	23	VI.04	2.823.618.635	2.298.907.453	7.394.402.250	8.778.240.075
+ Including: Interest expenses	*24*		*1.989.827.867*	*2.290.612.568*	*6.512.273.680*	*7.838.452.299*
9. General and administration expenses	26	VI.05	2.743.831.926	2.330.404.607	7.673.696.742	6.504.960.982
10. Net profits from operating activities	**30**		**23.564.558.499**	**30.522.406.792**	**78.780.055.878**	**52.759.936.303**
11. Other income	31	VI.06	1.829.977.971	80.321.783	189.646.802.960	1.647.199.618
12. Other expenses	32	VI.07	70.370	6.256.446.946	17.661.148.660	6.911.852.968
13. Net other profits	**40**		**1.829.907.601**	**(6.176.125.163)**	**171.985.654.300**	**(5.264.653.350)**
14. Net accounting profit before tax	**50**		**25.394.466.100**	**24.346.281.629**	**250.765.710.178**	**47.495.282.953**
15. Current corporate income tax expenses	51	VI.09	5.078.893.220	4.869.256.326	50.108.726.338	9.652.869.996
17. Profits after corporate income tax	**60**		**20.315.572.880**	**19.477.025.303**	**200.656.983.840**	**37.842.412.957**
18. Basic earnings per share			580	556	5.733	1.081

Prepared, 18 October 2026

Preparer	Chief Accountant	Chairman
Nguyen Ngoc Chau	Tran Vu Yen Linh	Nguyen Tien Dung

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGHUY93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

Form B 03a – DN

CASH FLOW STATEMENT

(Indirect method)

From 01/01/2026 to 30/09/2026

Currency: VND

Items	Code	Note	From 01/01/2026 to 30/09/2026	From 01/01/2025 to 30/09/2025
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit before tax	**01**		**250.765.710.178**	**47.495.282.953**
2. Adjustments for				
- Depreciation of fixed assets and investment properties	02		60.734.425.660	72.147.143.367
- (Reversal of provisions)/provisions	03			8.985.400.000
- (Gains)/losses on exchange rate differences from revaluation of accounts derived from foreign currencies	04		294.032.778	
- (Gains)/losses on investing activities	05		(167.696.070.164)	(163.363.393)
- Interest expenses	06		6.512.273.680	7.838.452.299
3. Operating profit before changes in working capital	**08**		**150.610.372.132**	**136.302.915.226**
- (Increase)/decrease in receivables	09		(43.775.203.828)	90.285.346.437
- (Increase)/decrease in inventories	10		(19.772.864.723)	2.653.631.763
- Increase/(decrease) in payables (exclusive of interest payables, corporate income tax payables)	11		(35.090.525.259)	35.101.660.020
- (Increase)/decrease in prepaid expenses	12		(16.557.806.687)	(407.839.236)
- Interest paid	14		(6.537.670.216)	(7.863.848.835)
- Corporate income tax paid	15		(18.943.931.866)	(14.394.330.704)
- Other payments for operating activities	17		-	(825.000.000)
Net cash flows from operating activities	**20**		**9.932.369.553**	**240.852.534.671**
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchase or construction of fixed assets and other long-term assets	21		(344.629.529.231)	(231.451.789.442)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	22		229.145.373.149	
3. Loans and purchase of debt instruments from other entities	23		(60.868.600.000)	-
5. Interest and dividends received	27		24.867.638	163.363.393
Net cash flows from investing activities	**30**		**(143.631.088.444)**	**(231.288.426.049)**

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

Form B 03a – DN

CASH FLOW STATEMENT

(Indirect method)

From 01/01/2026 to 30/09/2026

Currency: VND

Items	Code	Note	From 01/01/2026 to 30/09/2026	From 01/01/2025 to 30/09/2025
III. Cash flows from financial activities				
1. Proceeds from borrowings	33	VII.3	174.811.094.359	5.000.000.000
2. Repayments of borrowings	34	VII.4	(55.437.630.369)	(16.160.175.000)
3. Dividends paid	36		(19.397.907.060)	-
Net cash flows from financial activities	**40**		**99.975.556.930**	**(11.160.175.000)**
Net cash flows during the period	**50**		**(33.723.161.961)**	**(1.596.066.378)**
Cash and cash equivalents at the beginning of the period	**60**		**95.457.159.249**	**33.785.708.010**
Effect of exchange rate fluctuations	61		(202.170.565)	-
Cash and cash equivalents at the end of the period	**70**	VII	**61.531.826.723**	**32.189.641.632**

Prepared, 19 October 2026

Preparer	Chief Accountant	Chairman
Nguyen Ngoc Chau	Tran Vu Yen Linl	Nguyen Tien Dung

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

Form B 09a – DN

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

FOR THE THIRD QUARTER OF 2026

I. CORPORATE INFORMATION

1. Form of ownership

Global Tanker Joint Stock Company operates under the Enterprise Registration Certificate No. 0315118069 issued by Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City for the first time on 18 June 2018 and the 8th changed licence on 28 September 2025.

The charter capital of the Company under the Enterprise Registration Certificat VND 350.000.000.000

Contributed charter capital as at 30 September 2026: VND 350.000.000.000

Head office: No.16, Phan Dinh Giot Street, Tan Son Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam.

On 25 December 2025, the Company received Official Letter No. 9276/UBCK-GSDC from the State Securities Commission confirming the completion of the registration as a public company under the stock ticker symbol "GTX".

2. Operating industry

Provide waterway transport services.

3. Principal activities

- Coastal and Ocean Freight Transport
Details: Business in the transportation of oil, petroleum products, and goods by sea (excluding business in liquefied petroleum gas (LPG) and waste oils);
- Inland Waterway Freight Transport
Details: Business in the transportation of oil, petroleum products, and goods by inland waterways (excluding business in liquefied petroleum gas (LPG) and waste oils);
- Other Support Services Related to Transport
Details: Maritime brokerage. Ship agency services. Import and export cargo handling services (excluding liquefied gas transport and activities related to air transport). Sea freight agency services.

4. Normal operating cycle of the Company is generally within 12 months

5. Operating characteristics of the Company during the period that affect interim financial statements

There are no operational characteristics that have a significant impact that need to be disclosed in this financial statement.

6. Disclosure of information comparability in the interim financial statements

The corresponding figures of the previous accounting period are comparable to the figures of this accounting period.

7. The number of employees

As at 30 September 2026, the Company has 7 employees (As at 31 December 2025: 7 employees).

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGDIS@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

II. ACCOUNTING PERIOD AND ACCOUNTING CURRENCY

1. Accounting period

Annual accounting period of Company is from 01 January to 31 December.

2. Accounting currency

The Company uses the currency unit for accounting records and presented in the financial statements is Vietnamese Dong ("VND" or "Dong").

III. ACCOUNTING STANDARDS AND ACCOUNTING SYSTEM

1. Accounting system

The Company applies Vietnamese Accounting Standards and the Vietnamese Corporate Accounting System issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025, along with other Circulars guiding the implementation of accounting standards issued by the Ministry of Finance for the preparation and presentation of Financial Statements

2. Declaration of compliance with Accounting Standards and Accounting System

The Company applies Vietnamese Accounting Standards and supplementary documents issued by the State. Financial statements are prepared in accordance with regulations of each standard and supplementary documents as well as with Accounting Standards and Accounting System.

IV. APPLICABLE ACCOUNTING POLICIES

1. Recognition principles for cash and cash equivalents

a. Cash

Cash includes the total amount of money available to the company at the reporting date, comprising: cash on hand, cash in bank and cash in transit. These items are recognized at their actually incurred values.

b. Cash equivalents

Cash equivalents are short-term investments with an original maturity of no more than three (03) months from the date of acquisition, which are readily convertible into known amounts of cash and are subject to an insignificant risk of changes in value at the reporting date. Cash and cash equivalents that are subject to restrictions on use are not presented under this caption but are classified as Other current assets or Other long-term assets, as appropriate.

c. Exchange rates applied in accounting

The Company applies the actual transaction exchange rate, being the average telegraphic transfer buying and selling rate quoted by the commercial bank with which the Company regularly conducts transactions on the transaction date, to translate foreign currency-denominated transactions into Vietnamese Dong.

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI98@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

The Company applies the weighted average carrying exchange rate, which is determined by dividing the carrying amount translated into the accounting currency at the actual transaction exchange rates for the debit side of cash, receivables and other asset accounts, or the credit side of payable accounts, by the total foreign currency balance at the beginning of the period plus foreign currency increases during the period for each specific item. The weighted average carrying exchange rate may be determined either at the end of the reporting period or at each settlement date.

Foreign currency-denominated assets and liabilities, except for demand deposits, are translated into Vietnamese Dong at the average telegraphic transfer buying and selling exchange rate quoted by the commercial bank with which the Company regularly conducts transactions. Foreign currency demand deposits are translated at the average telegraphic transfer buying and selling exchange rate as at the reporting date quoted by the commercial bank where the Company maintains its bank accounts.

2. Recognition principles for financial investments

Financial investments are external investments made for the purpose of efficient capital utilization and enhancing the Company's operational capacity. At the time of preparing the Financial Statements, investments are classified and measured according to the following principle:

For the preparation of financial statements, the financial investment must be classified as below:

- Having maturity less than 12 months or 01 normal production period are recorded as short - term;

- Having maturity more than 12 months or 01 normal production period are recorded as long - term.

Held-to-maturity investments

This account shall not record bonds and debt securities held for sales. Held-to-maturity investments comprise term deposits (mature above 03 months), treasury bills, promissory notes, bonds, preference shares which the issuer is required to re-buy them in a certain time in the future and loans held to maturity to earn interest periodically and other held-to-maturity investments.

3. Recognition principles for receivables

The receivables shall be kept records in details according to period receivables, entities receivables, types of currency receivable and other factors according to requirements for the Company.

The amounts receivable shall be classified following rules below:

- Trade receivables: commercial receivables generating from purchase-sale related transactions between the Company and buyers such as receivables from sales, services, liquidation / transfer of assets, receivables from sale of exported goods given by the trustor through the trustee;

- Other receivables include non-commercial or non-trading receivables.

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLD1980@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

Whenever preparing financial statements as prescribed, the receivables shall be classified:

- The amounts receivable from customer with the remaining recovery term within 12 months or within a normal operating cycle at the time of reporting is classified short-term receivables;

- The amounts receivable from customer with the remaining recovery term more than 12 months or more than one normal operating cycle at the time of reporting is classified long-term receivables.

At the reporting date, in accordance with applicable regulations, the Company remeasures foreign currency-denominated receivables (except for advances to suppliers. However, where there is clear evidence at the reporting date that the supplier is unable to deliver the goods or services and the Company is expected to recover such advances in foreign currency, those advances are treated as foreign currency monetary items) using the average telegraphic transfer buying and selling exchange rate quoted by the commercial bank with which the Company regularly conducts transactions at the reporting date.

The allowance for overdue trade and other receivables is calculated based on aging analysis and specific provisioning rates as below:

- 30% of the receivable balance for receivables overdue from 06 months to less than 01 year.
- 50% of the receivable balance for receivables overdue from 01 year to less than 02 years.
- 70% of the receivable balance for receivables overdue from 02 year to less than 03 years.
- 100% of the receivable balance for receivables overdue by 3 years or more.

4. Recognition principles for inventories

a. Inventories

Inventories are stated at original cost. Where the net realizable value is lower than cost, inventories should be measured at the net realizable value. The cost of inventories should comprise all costs of purchase, costs of conversion and other costs incurred in bringing the inventories to their present location and condition.

b. The cost of inventory

The cost of inventory at the year-end is calculated by weighted average method.

c. The record of inventory

Inventory is recorded by the perpetual method.

d. Provisions for decline in value of inventories

At the end of the accounting period, if inventories do recover enough at its historical value not because of damage, obsolescence, reduction of selling price. In this case, the provision for inventories is recognized. The provision for decline in inventories is the difference between the historical value of inventories and its net realizable value.

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLD1988@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

5. Recognition principles for fixed assets

Tangible fixed assets are stated at historical cost less accumulated depreciation. Historical cost includes any expenditure that is directly attributable to the acquisition of the fixed assets putting them into ready-for-use state. Expenditures which are incurred shall be recorded as increase in their historical cost if they are expected to resulted in an increase in the future economic benefits from the use of these assets. Those incurred costs which fail to meet this requirement must be recognized as production and business expenses in the period.

Tangible fixed assets are depreciated on straight-line method over the estimated useful lives. The estimated useful lives of each assets class are as follows:

	Estimated depreciation year
- Means of transportation	07 - 10

When tangible fixed assets are sold or disposed, their historical cost, accumulated depreciation are written off, and then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or expenses during the period.

6. Recognition principles for construction in progress

Construction in progress reflect direct costs (including borrowing costs in accordance with the Company's accounting policy) associated with assets under construction, machinery, and equipment being installed for production, rental, and management purposes, as well as costs related to ongoing repairs of fixed assets. These assets are recorded at historical cost and are not depreciated.

7. Recognition principles for deferred expenses

The expenses actually incurred but they are related to operation output of many accounting period. The deferred expenses are recognized at historical cost and amortized on a straight-line basis over their estimated useful life. Long-term deferred expenses are not reclassified as short-term deferred expenses when preparing the financial statements.

The classification of prepaid expenses when preparing financial statements follows these principles below:

- Short-term prepaid expenses: reflect prepayments with an allocation period or a period of economic benefit recovery not exceeding 12 months or within one normal operating cycle from the time of incurrence.;

- Long-term prepaid expenses: reflect prepayments (such as tools and supplies issued for use, major repair expenses, land rentals, asset rentals, etc.) with an allocation period or a period of economic benefit recovery exceeding 12 months or more than one normal operating cycle..

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLD198@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location: Dinh Giot Street, Tan Son Hoa Ward, Ho Chi Minh City
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

8. Recognition principles of accounting of payables and accruals

Payables and accruals are recognised for the amounts to be paid in the future for goods and services received. Accrued expenses are recognised based on reasonable estimates of the amounts to be paid.

The amounts receivable shall be classified following rules below:

- Trade payables include commercial amounts payable arisen from purchase of goods, services or asset and amounts payable include amounts payable when importing through the trustee;

- Accured expenses reflect payables to goods or services received from the seller or provided for the seller during a reporting period, but payments of such goods or services have not been made due to lack of invoices or documents on accounting, which are recorded to operating expenses of the accounting period;

- Other payables include non-commercial amounts payable, or amounts payable relating to trading in goods or

The amounts receivable shall be classified following rules below:

- Payables with a remaining payment term of no more than 12 months or within one business cycle are classified as short-term;

- Payables with a remaining payment term of 12 months or more, or exceeding one business cycle, are classified as long-term.

At the reporting date, in accordance with applicable regulations, the Company re-translates outstanding foreign currency-denominated payables (except for advances received from customers. However, where there is objective evidence at the reporting date that the Company will be unable to deliver the goods or services and will be required to refund such advances in foreign currency, such advances are treated as foreign currency monetary items) using the average telegraphic transfer buying and selling exchange rate of the commercial bank with which the Company regularly transacts at the reporting date.

9. Recognition principles for dividends and profits payables

Reflects dividends and profit distributions payable (in cash or non-cash assets) and the settlement of cash dividends and profit distributions payable to the Company's shareholders or capital contributors.

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGDUI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

10. Recognition principles for borrowings and capitalisation of borrowing costs

Borrowings and finance lease liabilities include amounts borrowed and finance lease obligations from banks, financial companies, and other parties.

The borrowings and finance lease liabilities shall be classified when preparing the financial statements following rules below:

- Borrowings and finance lease liabilities with payment period not more than 12 months are classified as short-term;

- Borrowings and finance lease liabilities with payment period of more than 12 months are classified as long-term.

Borrowing costs directly related to loans are recognized as financial expenses in the period, except for borrowing costs that are directly associated with the construction or production of qualifying assets, which are capitalized as part of the value of those assets when the conditions stipulated in the Accounting Standard on "Borrowing Costs".

11. Recognition principles for equity

a. Recognition principles for equity

Contributed equity is recognized based on the actual capital contributions made by the shareholders.

b. Recognition principles for undistributed post-tax profits

Undistributed post-tax profits reflects business results of the Company after enterprise income tax at the reporting

Undistributed post-tax profit is distributed to shareholders after allocating funds according to the Company's Charter as well as legal regulations, and has been approved by the General Meeting of Shareholders.

12. Principles of revenues and income

a. Revenue from service rendered

Revenue from the rendering of services is recognized when all of the following conditions are satisfied:

- Revenues are determined reliably;
- It is possible to obtain economic benefits from the service provision transaction;
- The work volume finished on the date of making the accounting balance sheet can be determined;
- The costs incurred from the service provision transaction and the costs of its completion can be determined.

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLUONG93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

b. Interest income

Interests recognized on the basis of the actual time and interest rates in each period when it satisfies the two conditions below:

- It is possible to obtain economic benefits from the concerned transactions;

- Revenue is determined with relative certainty.

13. Recognition principles for cost of sales

Cost of sales comprises the cost of products, goods, services and investment properties sold; the production cost of construction contracts recognized during the period; and other costs directly attributable to investment property activities. Cost of sales is recognized in accordance with the matching principle and the prudence principle.

Damaged or lost value is allowed to record to cost of goods sold after deduction of compensation (if any).

For the used material over the normal production capacity, labor and general production cost is not allowed to record to production cost but allowed to record to cost of goods sold after deduction of compensation (if any), even these finished goods are not sold.

14. Recognition principles for finance costs

Financial expenses reflect financial operating cost including expenses or losses relating to financial investment activity, expenses of lending and borrowing, losses incurred when selling foreign currency, losses from exchange rate…

15. Recognition principles for selling expenses, general and administrative expenses

Selling expenses record expenses actually incurred in process of selling products, goods, providing services.

Administrative expense reflects the general expense of the company, including: labor cost; social and health insurance, unemployment fund, union cost of management employee; office material expense, tools, depreciation of assets using for management; land rental, business license tax; bad debt provision; outsourcing expense and other cash expenses...

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGDUC93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

16. Recognition principles for corporate income tax

Current corporate income tax is the tax calculated based on taxable income. Taxable income differs from accounting profit due to adjustments for temporary differences between tax and accounting, non-deductible expenses, as well as adjustments for non-taxable income and carried-forward losses.

17. Related parties

Parties are considered to be related if one party has the ability to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial or operational decisions.Parites are considered to be related parties if they are under common control or under common significant influence.

In considering its relationships with each related party, the Company considers the substance of the relationship not merely the legal form.

18. Segment reporting

A segment is a component which can be separated by the Company engaged in sales of goods or rendering of services ("business segment"), or sales of goods or rendering of services within a particular economic environment ("geographical segment"). Each segment is subject to risks and returns that are different from those of segments. A reportable segment is the Company's business segment or the Company's geographical segment.

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI83@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

V. NOTES TO THE INTERIM BALANCE SHEET

Currency: VND

1. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	30/09/2026	01/01/2026
- Cash on hand	2.831.000	169.000
- Cash at banks	61.528.995.723	95.456.990.249
+ Cash in VND	*20.644.455.181*	*14.816.907.285*
+ Cash in foreign currencies	*40.884.540.542*	*80.640.082.964*
Total	**61.531.826.723**	**95.457.159.249**

2. HELD-TO-MATURITY INVESTMENTS

	30/09/2026		01/01/2026	
	Historical cost	*Book value*	*Historical cost*	*Book value*
a. Short-term	***33.761.000.000***	***33.761.000.000***	***6.000.000.000***	***6.000.000.000***
- Term deposits (*)	33.761.000.000	33.761.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Total	**33.761.000.000**	**33.761.000.000**	**6.000.000.000**	**6.000.000.000**

Notes:

(*) A 6-month USD term and 12-month USD term deposit at STANDARD CHARTERED BANK (VIETNAM) LIMITED - HO CHI MINH CITY BRANCH, bearing an interest rate of 0% per annum. This deposit is currently being used as collateral for a short-term VND credit line to supplement working capital.

3. TRADE RECEIVABLES

	30/09/2026	01/01/2026
a. Short-term	***97.244.807.648***	***58.194.295.890***
- Vietsea Company Pte Ltd	33.241.600.000	25.529.383.000
- Petrolimex Aviation Fuel Joint Stock Company	60.775.655.000	30.684.673.000
- Others	3.227.552.648	1.980.239.890
b. Long-term	-	-

c. Receivables from related parties

(Details of this section are presented at Note VIII.1.c).

4. PREPAYMENTS TO SUPPLIERS

	30/09/2026	01/01/2026
a. Short-term	***2.102.620.488***	***2.352.610.154***
- DALIAN OCEAN FAVOR INTERNATIONAL SHIPPING AGENCY	261.680.232	-
- CNOOC INTERNATIONAL FREIGHT AGENCY CO., LTD	-	222.977.235
- CONSULATE GENERAL OF PANAMA	-	307.352.978
- JAMES MACKINTOSH & CO. PVT. LTD	456.215.425	473.613.088
- JIRATAN GROUP CO., LTD	866.380.556	913.163.766
- CSEM MARITIME SDN BHD	-	256.076.674
- Others	518.344.275	179.426.413
b. Long-term	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI83@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

5. OTHER RECEIVABLES

	30/09/2026		01/01/2026	
	Value	*Provision*	*Value*	*Provision*
a. Short-term	***4.911.603.579***	***2.324.134.978***	***4.712.443.734***	***2.324.134.978***
- Advances	45.000.000	-	1.000.000	
- Others	4.866.603.579	2.324.134.978	4.711.443.734	2.324.134.978
+ Mekong Petroleum Transport Joint Stock Company - Payment on behalf of debt settlement and repair of the Mekongtrans 01 vessel	*4.648.269.956*	*2.324.134.978*	*4.648.269.956*	2.324.134.978
+ Undeducted VAT	-	-	-	-
+ Allsea Manegenment JSC	-		-	
+ Others	*218.333.623*	-	*63.173.778*	-
b. Long-term	-	-	-	-
Total	**4.911.603.579**	**2.324.134.978**	**4.712.443.734**	**2.324.134.978**

6. INVENTORIES

	30/09/2026		01/01/2026	
	Historical cost	*Provision*	*Historical cost*	*Provision*
- Raw materials	23.149.489.498	-	23.157.043.825	-
- Work in progress	4.017.291.078	-	3.222.223.641	-
Total	**27.166.780.576**	-	**26.379.267.466**	-

7. LONG-TERM ASSETS IN PROGRESS

	30/09/2026	01/01/2026
a. Work in progress	-	-
b. Construction in progress	***657.020.993.716***	***312.391.464.485***
- Purchase fixed assets (*)	657.020.993.716	312.391.464.485
- Repair fixed assets	-	-
- Other expenses	-	-
Total	**657.020.993.716**	**312.391.464.485**

Notes:

(*) Pursuant to the General Meeting of Shareholders' Resolution No. 31102024/NQ-DHDCD dated 31/10/2024 and the 2025 Annual General Meeting of Shareholders' Resolution No. 01-2025/DHDCD-NQ dated 20/06/2025, the Company approved the investment policy for the construction of new oil/chemical tankers, including two (02) vessels with a deadweight of 13,100 DWT each and one (01) to two (02) vessels with a deadweight of 7,500 DWT each. As at 30/09/2026, the Company is implementing the construction of one (02) 13,100 DWT vessel and one (01) 7,500 DWT vessel in accordance with the approved investment plan

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLD@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

8. INCREASE, DECREASE IN TANGIBLE FIXED ASSETS

Items	Means of transportation	Total
I. Cost		
1. Opening balance	**798.611.487.054**	**798.611.487.054**
2. Increase	-	-
- Finished capital investment	-	-
3. Decrease	**180.687.345.659**	**180.687.345.659**
4. Closing balance	**617.924.141.395**	**617.924.141.395**
II. Accumulated depreciation		
1. Opening balance	**503.620.817.620**	**503.620.817.620**
2. Increase	**60.734.425.660**	**60.734.425.660**
- Depreciation for the period	60.734.425.660	60.734.425.660
3. Decrease	**138.198.526.649**	**138.198.526.649**
- Conversion into investment properties		
- Disposal	138.198.526.649	138.198.526.649
- Other decreases		
4. Closing balance	**426.156.716.631**	**426.156.716.631**
III. Net book value		
1. Opening balance	**294.990.669.434**	**294.990.669.434**
2. Closing balance	**191.767.424.764**	**191.767.424.764**

Notes:

- As at 30 September 2026, tangible fixed assets with a net book value of VND 191.483.662.795 (As at 01 January 2026: VND 226.473.798.760) were mortgaged at the Bank as security for loans of the Company (Note V.15).

- The cost of tangible fixed assets which have been fully depreciated but are still in use of the Company as at 30 September 2026 is VND 193.389.943.511 (As at 01 January 2026: VND 21.866.611.836).

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGTUAN@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

9. PREPAID EXPENSES

	30/09/2026	01/01/2026
a. Short-term	***1.497.607.936***	***1.448.674.311***
- Insurance expenses	1.497.607.936	1.448.674.311
b. Long-term	***16.508.873.062***	-
- Dry-docking repair cost	16.508.873.062	
Total	**18.006.480.998**	**1.448.674.311**

10. TRADE PAYABLES

	30/09/2026		01/01/2026	
	Value	Recoverable value	Value	Recoverable value
a. Short-term	***46.680.120.328***	***46.680.120.328***	***83.473.140.220***	***83.473.140.220***
- Aulac Corporation	12.607.300.000	12.607.300.000	39.826.261.000	39.826.261.000
- Legendsea Company Limited	5.681.500.000	5.681.500.000	5.764.440.000	5.764.440.000
- Allsea Management Joint Stock Company	14.414.382.609	14.414.382.609	22.050.978.338	22.050.978.338
- Vietsea Joint Stock Company	3.189.669.549	3.189.669.549	8.395.646.330	8.395.646.330
- Others	10.787.268.170	10.787.268.170	7.435.814.552	7.435.814.552
b. Long-term	**54.379.473.226**	**54.379.473.226**	**53.842.013.396**	**53.842.013.396**
- Vietsea Company Pte Ltd	54.379.473.226	54.379.473.226	53.842.013.396	53.842.013.396
Total	**101.059.593.554**	**101.059.593.554**	**137.315.153.616**	**137.315.153.616**

c. Trade payables to related parties

(Details of this section are presented at Note VIII.1.c).

11. STATUTORY OBLIGATIONS AND RECEIVABLES FROM THE STATE

	01/01/2026	Payable during the year	Paid amounts during the year	30/09/2026
a. Payables	***13.747.591.366***	***50.326.844.771***	***19.160.287.021***	***44.914.149.116***
- Corporate income tax	13.715.931.866	50.108.726.338	18.943.931.866	44.880.726.338
- Personal income tax	31.659.500	218.118.433	216.355.155	33.422.778
- Other taxes	-	-	-	-

Notes:

The Company's tax settlements are subject to examination by the Tax Authority. Because the application of tax laws and regulation to many types of transactions is susceptible to varying interpretations, amounts reported in the financial statements could be changed at a later date upon final determination by the Tax Authority.

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI88@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

12. ACCURED EXPENSES

	30/09/2026	01/01/2026
a. Short-term	**9.059.837.591**	**3.709.438.169**
- Advance payment of shipping agent fees	2.453.198.212	3.563.066.831
- Interest expenses	120.974.802	146.371.338
- Accrued Ship Management Fee	5.442.277.236	
- Others	1.043.387.341	

13. DIVIDENDS AND PROFITS PAYABLE

	30/09/2026	01/01/2026
a. Short-term	**75.522.040**	**19.473.429.100**
- Mrs. Nguyen Thi Ngoc Yen	-	17.794.892.720
- Others	75.522.040	1.678.536.380

14. OTHER PAYABLES

	30/09/2026	01/01/2026
a. Short-term	**40.000.000**	**4.333.422.220**
- Ship management fee - Allsea Management Joint Stock Company		4.333.422.220
- Others	40.000.000	
b. Long-term	-	

15. BORROWINGS AND FINANCE LEASE LIABILITIES

		30/09/2026	During the period			01/01/2026
		Value	Reclassification	Increase	Decrease	Value
a. Short-term		***10.158.061.265***	***3.365.081.820***	***29.502.614.359***	***44.256.534.914***	***21.546.900.000***
a.1 Short-term borrowings		**7.634.249.900**		**29.502.614.359**	**21.868.364.459**	
- Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited - Ho Chi Minh City Branch	(1)	7.634.249.900	-	29.502.614.359	21.868.364.459	-
a.2 Long-term loan due to maturity		**2.523.811.365**	**3.365.081.820**	**-**	**22.388.170.455**	**21.546.900.000**
- Military Commercial Joint Stock Bank - Binh Chanh Branch	(2)	2.523.811.365	3.365.081.820	-	22.388.170.455	21.546.900.000
b. Long-term		***304.458.017.627***	***234.838.238.082***	***145.308.480.000***	***11.181.095.455***	***173.695.714.902***
- Military Commercial Joint Stock Bank - Binh Chanh Branch	(2)	66.254.697.725	(3.365.081.820)	-	11.181.095.455	80.800.875.000
- Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Ho Chi Minh City	(3)	238.203.319.902	238.203.319.902	145.308.480.000	-	92.894.839.902
Total		**314.616.078.892**	**238.203.319.902**	**174.811.094.359**	**55.437.630.369**	**195.242.614.902**

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

15. BORROWINGS AND FINANCE LEASE LIABILITIES (CONTINUED)

Notes:

(1) 'Short-term borrowing under the Facility Letter No. BFL-ME/26-02 dated 15/01/2026, with a credit limit of USD 2,000,000, to finance the Company's general corporate purposes and working capital requirements. Each drawdown has a maximum tenor of six (06) months from the date of disbursement, and the applicable interest rate is determined separately for each drawdown. The borrowing is secured by a time deposit pledged under the Deposit Pledge Agreement No. PL-ME/26-02 dated 15/01/2026 (Note V.03).

(2) Long-term loan under Credit Agreement No. 173613.23.269.30799532.TD dated November 20, 2023, with a maximum loan amount of VND 169,515,309,600 to finance the investment in 01 used oil/chemical tanker (name: RAYANA, IMO No.: 9341354, built in 2009, capacity 14,958 DWT). The maximum loan term is 84 months from the day following the first disbursement date; the loan interest rate is specifically determined in each debt acknowledgment instrument. The loan is secured by the following assets:

The Guarantor	**Collateral**
Global Tanker Joint Stock Company	- According to Mortgage Agreement No. 188101.24.269.30799532.BD dated January 25, 2024 - Vessel Name: GT WIN - IMO No.: 9341354 - Vessel Type: Oil Tanker

(3) Long-term loan under Credit Agreement No. 35/14458670/25-DN2/D-DA dated July 9, 2025, with a maximum loan amount of VND 328.440.000.000 to finance the new construction of 01 oil/chemical tanker with a capacity of 13,100 DWT. The maximum loan term is 144 months from the day following the first disbursement date until the full repayment of principal and interest; the loan interest rate is specifically determined in each debt acknowledgment instrument. The loan is secured by the following assets:

The Guarantor	**Collateral**
Global Tanker Joint Stock Company	- According to Mortgage Agreement No. 40/14458670/25-DN2/TC.BD dated July 9, 2025: - Vessel Name: GT VICTORY - IMO No.: 9321641 - Vessel Type: Oil Tanker - According to Mortgage Agreement No. 15/14458670/26-DN2/TC dated March 10, 2026: - Vessel Name: GT PEACE - IMO No.: 9321639 - Vessel Type: Oil Tanker - All property rights arising from the investment project for the construction of a new oil/chemical tanker, in accordance with the Mortgage Agreement on Property Rights Arising from Contract No. 38/14458670/25-DN2/TC dated 09/07/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGDI92@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

16. OWNER'S EQUITY

a. Comparison table of owner's equity fluctuations

	Contributed capital	Undistributed earnings	Total
As at 01 January 2025	**350.000.000.000**	**71.724.070.231**	**421.724.070.231**
- Increase capital			-
- Profits for the period		37.842.412.957	37.842.412.957
- Distribution of profits after tax			
+ Dividend distribution		*(42.000.000.000)*	*(42.000.000.000)*
+ Bonus and Welfare fund		*(1.000.000.000)*	*(1.000.000.000)*
As at 30 September 2025	**350.000.000.000**	**66.566.483.188**	**416.566.483.188**
As at 01 January 2026	**350.000.000.000**	**83.134.196.239**	**433.134.196.239**
- Profits for the period		200.656.983.840	200.656.983.840
- Distribution of profits after tax			
+ Dividend distribution			-
+ Bonus and Welfare fund		*(1.000.000.000)*	*(1.000.000.000)*
As at 30 September 2026	**350.000.000.000**	**282.791.180.079**	**632.791.180.079**

b. Details of owner's investment

	30/09/2026	01/01/2026
- Mrs. Nguyen Thi Ngoc Yen	164.367.480.000	164.867.480.000
- Mrs. Tran Le Thuy Dan	68.734.060.000	69.734.060.000
- Mrs. Huynh Thi Hong Chau	17.833.650.000	17.833.650.000
- Other organizations and individuals	99.064.810.000	97.564.810.000
Total	**350.000.000.000**	**350.000.000.000**

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI98@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

16. OWNER'S EQUITY (CONTINUED)

c. Capital transactions with owners and distribution of dividends or profits

	30/09/2026	01/01/2026
- Owner's invested equity		
+ Opening capital	350.000.000.000	350.000.000.000
+ Increase in capital during the period	-	-
+ Decrease in capital during the period	-	-
+ Closing capital	350.000.000.000	350.000.000.000
- Dividends, distributed profits	-	***42.000.000.000***

d. Shares

	30/09/2026	01/01/2026
- Authorised shares	35.000.000	35.000.000
- Issued shares	35.000.000	35.000.000
+ Ordinary shares	*35.000.000*	*35.000.000*
- Treasury shares	-	-
- Shares in circulation	35.000.000	35.000.000
+ Ordinary shares	*35.000.000*	*35.000.000*

(*) Par value of outstanding shares: VND 10,000 per share.

17. OFF-BALANCE SHEET ITEMS

	30/09/2026	01/01/2026
a. Foreign currencies		
- US Dollar (USD)	1.574.314,68	3.092.383,94

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI82@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

VI. NOTES TO THE INTERIM INCOME STATEMENT

Currency: VND

1. REVENUES FROM SALES AND SERVICES RENDERED

	Current year	Previous year
a. Revenues	***551.500.906.056***	***541.781.726.245***
- Revenue from services rendered	551.500.906.056	541.781.726.245
b. Revenue deductions	-	-
Net revenues from sales and services rendered	551.500.906.056	541.781.726.245

c. Revenue to related parties
(Details of this section are presented at Note VIII.1.b).

2. COST OF GOODS SOLD

	Current year	Previous year
- Cost of services rendered	459.528.429.899	479.572.398.176
Total	**459.528.429.899**	**479.572.398.176**

3. FINANCIAL INCOME

	Current year	Previous year
- Interest income from deposits and lending	24.867.638	163.363.393
- Realized foreign exchange rate differences gain	1.531.873.288	5.670.445.898
- Unrealized foreign exchange rate differences gain	-	-
Total	**1.556.740.926**	**5.833.809.291**

4. FINANCIAL EXPENSES

	Current year	Previous year
- Interest expenses on lending and bonds	6.512.273.680	7.838.452.299
- Realized foreign exchange rate differences loss	882.128.609	939.787.776
Total	**7.688.435.067**	**8.778.240.075**

5. SELLING EXPENSES AND GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSES

	Current year	Previous year
a. Selling expenses incured during the year	-	-
b. General and administrative expenses incured during the year	***7.673.696.742***	***6.504.960.982***
- Labour costs	2.429.589.973	2.227.047.545
- Taxes, fees and duties	-	3.000.000
- Outside service expenses	4.884.106.769	3.914.913.437
- Others	360.000.000	360.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI88@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

6. OTHER INCOME

	Current year	Previous year
- Gained from disposal of fixed assets	167.035.807.520	-
- Revenue from sales ROB fuel	18.276.806.189	-
- Compensation received from third parties	4.329.977.971	1.646.427.991
- Others	4.211.280	771.627
Total	**189.646.802.960**	**1.647.199.618**

7. OTHER EXPENSES

	Current year	Previous year
- Costs of ROB fuel	17.645.611.663	-
- Demurrage fee	-	1.012.530.772
- Penalty for taxes, administrative violations	15.451.885	-
- Others	85.112	5.899.322.196
Total	**17.661.148.660**	**6.911.852.968**

8. PRODUCTION AND BUSINESS COST BY ELEMENTS

	Current year	Previous year
- Raw materials	147.725.213.348	118.970.311.280
- Labour costs	41.694.794.292	49.736.162.765
- Depreciation expenses	60.734.425.660	72.147.143.367
- Periodical fixed asset repair expenses	-	9.000.000.000
- Outside service expenses	215.836.228.386	234.209.173.284
- Others	1.211.464.955	2.014.568.462
Total	**467.202.126.641**	**486.077.359.158**

9. CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSES

	Current year	Previous year
- Total net profit before tax	**250.765.710.178**	**47.495.282.953**
- Adjust the profit before tax to determine corporate income tax	**(222.078.487)**	**769.067.028**
- Total taxable income	**250.543.631.691**	**48.264.349.981**
- Total assessable income	**250.543.631.691**	**48.264.349.981**
+ Tax rate	*20%*	*20%*
- Corporate income tax expenses	**50.108.726.338**	**9.652.869.996**
+ Corporate income tax expenses	*50.108.726.338*	*9.652.869.996*

10. BASIC EARNINGS PER SHARE

	Current year	Previous year
Net profit attributable to ordinary shareholders	200.656.983.840	37.842.412.957
Appropriation to bonus and welfare fund		
Weighted average number of ordinary shares during the year	35.000.000	35.000.000
Basic earnings per share	**5.733**	**1.081**

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLQ88@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

VII. NOTES TO THE INTERIM CASH FLOW STATEMENT

1. Non-cash transactions which affects on Cash flow statement: None.

2. No cash which the company holds but unable to used: None.

3. Borrowing amount actually collected during the period

	Current year	Previous year
- Proceeds from borrowing under the loan contract	174.811.094.359	5.000.000.000
Total	**174.811.094.359**	**5.000.000.000**

4. Cash actually paid for the loan principal during the period

	Current year	Previous year
- Paid for borrowing under the loan contract	55.437.630.369	16.160.175.000
Total	**55.437.630.369**	**16.160.175.000**

VIII. OTHER INFORMATION

1. INFORMATION ABOUT THE RELATED PARTIES

a. Related parties

Related parties	Relationship
Viet Sea Joint Stock Company	Related party of Blockholder
Wondersea Joint Stock Company	Same management member
Allsea Management Joint Stock Company	Same management member
Legendsea Company Limited	Same management member
Vietsea Lubricant One Member Company Limited	Other related company
Mr. Nguyen Tien Dung	Chairman
The Board of Directors, the Board of Management, the Board of Supervisors, Chief Accountant and Disclosure Person	Executive board

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI83@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

b. Significant transactions with related parties

During the period, the Company had the following significant transactions with related parties:

	Current year	Previous year
1. Revenue from sale of goods, redering of service, and construction		
- Viet Sea Joint Stock Company	-	21.766.444.000
- Legendsea Company Limited	125.072.136	548.018.590
Total	**125.072.136**	**22.314.462.590**
2. Purchasing of goods and services		
- Legendsea Company Limited	20.241.350.000	40.746.410.000
- Viet Sea Joint Stock Company	12.533.745.534	11.425.738.787
- Wondersea Joint Stock Company	3.495.740.785	3.384.315.160
- Allsea Management Joint Stock Company	96.414.382.609	114.746.458.887
- Vietsea Lubricant One Member Company Limited	3.038.405.000	932.429.205
Total	**135.723.623.928**	**171.235.352.039**
b.3. Other transactions		
- Viet Sea Joint Stock Company (Advance for agency fees)	-	7.000.000.000
- Viet Sea Joint Stock Company (Advance recovery)	-	7.000.000.000

Remuneration of The Board of Directors, Management, Supervisors and salary of other managers:

The Board of Directors

Name	Position	Current year	Previous year
Nguyen Tien Dung	Chairman	565.781.528	675.000.000
Nguyen Thi Mai Xuan	Member	90.000.000	90.000.000
Tran Le Thuy Dan	Member	160.000.000	90.000.000
Tran Van Nam	Director (from 06/01/2026)	482.222.222	630.000.000
Mac Thi Nhu Thuy	Head of the Board of Supervisor	90.000.000	90.000.000
Le Thanh Man	Member of the Board of Supervisor	45.000.000	45.000.000
Pham Thi Ut	Member of the Board of Supervisor	45.000.000	45.000.000
Total		**1.478.003.750**	**1.665.000.000**

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER, L=TPHCM, UID=MST:0315118069, E=NGUYENQUANGLOI93@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 15:37:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.3

1. INFORMATION ABOUT THE RELATED PARTIES (CONTINUED)

c. Closing balance with related parties

	30/09/2026	01/01/2026
Short-term trade receivables (Notes V.03.a)		
- Allsea Management Joint Stock Company	129.620.015	-
Short-term trade payables (Note V.10)		
- Viet Sea Joint Stock Company	3.189.669.549	8.395.646.330
- Vietsea Lubricant One Member Company Limited	1.439.640.000	-
- Wondersea Joint Stock Company	1.167.868.708	1.128.105.054
- Allsea Management Joint Stock Company	14.414.382.609	22.050.978.338
- Legendsea Company Limited	5.681.500.000	5.764.440.000
Other payables (Note V.13)		
- Allsea Management Joint Stock Company	5.442.277.236	4.333.422.220
- Mrs. Nguyen Thi Ngoc Yen	-	17.794.892.720
- Other minority shareholders (Dividends payable)	75.522.040	1.678.536.380

2. INFORMATION SEGMENT REPORTING

The Company mainly provides international sea freight services. Therefore, the Company does not present segment reporting by geographical area or business sector.

3. EVENTS AFTER THE INTERIM BALANCE SHEET DATE

There have been no significant events occurring after the balance sheet date, which would require adjustment or disclosures to be made in the financial statements.

4. COMPARATIVE FIGURES

The comparative information is taken from the financial statements for the fiscal year ended 30 September 2025

Prepared, 19 October 2026

Preparer	Chief Accountant	Chairman
Nguyen Ngoc Chau	Tran Vu Yen Linh	Nguyen Tien Dung